TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 06/7/2023
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đăng Đ và ông Hoàng Công H

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế C- Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Phùng Đức D - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 81/2023/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1974. Vắng mặt.

HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Ng, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1972. Vắng mặt.

HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Ng, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn là chị Hoàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ch bắt đầu về chung sống cùng nhau như vợ chồng từ ngày 02/11/1995, trước khi về chung sống cùng nhau, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống của địa phương có sự chứng kiến của gia đình, dòng họ. Vợ chồng chung sống cùng nhau đến năm 2012 thì nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Năm 2016 thì vợ chồng sống ly thân, quan hệ tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt được. Từ thời điểm sống cùng nhau đến nay chị và anh Ch chưa một lần nào đến UBND có thẩm quyền để đăng ký kết hôn, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết đơn xin ly hôn của chị đối với trường hợp chị và anh Ch chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn. Chị L khẳng định từ thời điểm năm 1995 đến nay chị chỉ

đăng ký hộ khẩu thường trú tại một địa chỉ duy nhất là: Thôn Ng, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, ngoài ra chị không đăng ký thường trú ở bất cứ nơi nào khác.

Về con chung: Chị và anh Ch có ba con chung là cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 19/02/1997, cháu Nguyễn Văn Long V, sinh ngày 20/4/2000 và cháu Nguyễn Thị Bảo Th, sinh ngày 17/11/2010. Hiện nay cháu D và cháu V đã trưởng thành, tự lao động để nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Th còn nhỏ, từ trước đến nay vẫn do chị nuôi dưỡng, cháu hoàn toàn khỏe mạnh và phát triển bình thường, khi ly hôn đề nghị Tòa án cho chị được nuôi dưỡng cháu Th, cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn là anh Nguyễn Văn Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ch khẳng định thời điểm về chung sống với nhau như vợ chồng, thời điểm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thời điểm vợ chồng sống ly thân như lời trình bày của chị L là đúng. Trước khi về chung sống cùng nhau, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống của địa phương, có sự chứng kiến của gia đình hai bên và dòng họ. Anh chỉ nhớ là một mình anh có ra xã để xin giấy đăng ký kết hôn chứ chị L không đi cùng, sau đó anh có được cầm tờ giấy kết hôn về, tờ giấy kết hôn này anh đã đánh mất, không tìm lại được. Từ trước đến nay trong cuộc sống hàng ngày hay các giao dịch dân sự, anh không có việc gì phải sử dụng đến giấy kết hôn, anh cũng không có bất cứ giấy tờ tài liệu gì chứng minh việc anh và chị L được UBND có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Nay chị L có đơn xin ly hôn với anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đồng ý ly hôn. Trường hợp anh và chị L chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề này theo quy định của pháp luật và anh đồng ý ly hôn. Từ thời điểm năm 1995 đến nay anh chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại một địa chỉ duy nhất là: Thôn Ng, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, ngoài ra anh không đăng ký thường trú ở bất cứ nơi nào khác.

Về con chung: Anh và chị L có ba con chung là cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 19/02/1997, cháu Nguyễn Văn Long V, sinh ngày 20/4/2000 và cháu Nguyễn Thị Bảo Th, sinh ngày 17/11/2010. Hiện nay cháu D và cháu V đã trưởng thành, tự lao động để nuôi sống bản thân nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị L muốn nuôi dưỡng cháu Th anh đồng ý. Cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh đồng ý.

Về tài sản chung và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh của Tòa án với UBND xã Đ thể hiện nội dung: Thời điểm từ năm 1994 đến nay không có thông tin chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn Ch đến UBND xã Đ để làm thủ tục đăng ký kết hôn hoặc đăng ký kết hôn lại. Do đó, anh Ch, chị L không được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị L và anh Ch cũng chưa một lần nào đến UBND xã Đ để xin xác nhận tình trạng hôn nhân.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn Ch. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo Th cho chị Hoàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, cấp dưỡng nuôi con, không đặt ra xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và công nợ: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tuy nhiên cả chị L và anh Ch đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Ch bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11 năm 1995, trước khi về chung sống cùng nhau, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống của địa phương, có sự chứng kiến của gia đình, dòng họ hai bên. Chị L khẳng định chị và anh Ch chưa một lần nào đến UBND xã Đ để làm thủ tục đăng ký kết hôn, do đó chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh Ch trình bày anh chỉ nhớ được là trước khi tổ chức lễ cưới, anh có một mình đi xin giấy đăng ký kết hôn chứ chị L không đi cùng, anh có được cầm tờ giấy kết hôn nhưng sau đó do không phải sử dụng đến giấy chứng nhận kết hôn này vào việc gì, hay tham gia các giao dịch dân sự có liên quan nên anh đã làm thất lạc mất. Từ trước đến nay anh cũng không phải sử dụng giấy kết hôn vào bất cứ việc gì. Tuy nhiên, anh Ch chỉ có lời trình bày như vậy nhưng cũng không có bất cứ giấy tờ, tài liệu gì để giao nộp cho Tòa án chứng minh.

Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về việc đăng ký kết hôn của chị L và anh Ch. UBND xã Đ là cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho chị L anh Ch trả lời: Thời điểm từ năm 1994 đến nay không có thông tin chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn Ch đến UBND xã Đ

để làm thủ tục đăng ký kết hôn hoặc đăng ký kết hôn lại. Do đó chị L và anh Ch không được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh Ch, chị L cũng chưa lần nào đến UBND xã Đ để xin giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

Lời trình bày của chị L phù hợp với xác minh về hồ sơ giấy tờ sổ sách đăng ký kết hôn từ năm 1994 đến nay tại xã. Anh Ch cũng chỉ trình bày là có một mình anh đi xin giấy chứng nhận kết hôn, đồng thời anh Ch khẳng định không có bất cứ giấy tờ gì chứng minh việc anh và chị L có đăng ký kết hôn để giao nộp cho Tòa án. Do vậy, chỉ có đủ cơ sở để xác định chị L và anh Ch chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống cùng nhau chị L và anh Ch đều xác định vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân đã lâu, quan hệ tình cảm không còn, chị L và anh Ch đều thuận tình ly hôn, trường hợp anh chị chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn thì chị L, anh Ch đề nghị Tòa án giải quyết theo luật.

Căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Điều 9; khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình. Cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai bên là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị L xin được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bảo Th, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Ch đồng ý về vấn đề nuôi dưỡng con chung theo yêu cầu của chị L. Nên cần giao con chung là cháu Th cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, và công nợ: Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn Ch.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo Th, sinh ngày 17/11/2010 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0007184 ngày 22/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt án vắng mặt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện và tỉnh;*
- *THA;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã Đ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thị H